TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32 /2024/DSST
Ngày 30.8.2024
V/v: tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN B , THÀNH PHỐ H

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lan

Bà Bùi Thị Quỳnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọt - Thư ký Tòa án nhân dân quận **B** .

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B*** *tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Huyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận **B** , thành phố **H** xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 18/2024/ KDTMST ngày 16 tháng 04 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2024/QĐST- KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 75/2024/ QĐST – KDTM ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Công ty cổ phần L**

Địa chỉ: Số 21 phố Đ, phường Đ, quận H, Thành phố **H** .

Đại điện theo pháp luật: Ông Phạm Thể Đ – Giám đốc

Uỷ quyền cho Công ty Luật TNHH MTV S, địa chỉ số BT16 A3 – 12 Làng Việt Kiều, Châu Âu, khu đô thị mới M, phường M, quận H.

(Theo giấy uỷ quyền ngày 01/4/2024 giữa Công ty cổ phần **L** và Công ty luật TNHH M) Công ty luật TNHH M có quyết định số 41 / QĐ GĐ – MC ngày 06/6/2024 cử Bà Bùi Thu H là đại diện theo uỷ quyền cho Công ty cổ phần **L** (Bà Hằng có mặt)

***Bị Đơn: Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư phát triển V**

Địa chỉ: Số 17, nhà E3 – B Echome 1, phường Đ, quận **B** , Thành phố **H** .

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành C – Tổng giám độc

(Vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình tố tụng tại Toà án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty V có nhu cầu mua bê tông thương phẩm và bơm bê tông để phục vụ thi công công trình Tòa nhà văn phòng Lô A1-18 khu đất B2-3/N03 phường Việt Hưng, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Do đó, Công ty VNINDECO và Công ty **L** cùng nhau ký kết Hợp đồng kinh tế số 02/01/21/HĐKT/LCG.T4 ngày 02/01/2021 về việc mua bán bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm bê tông giữa Công ty **L** và Công ty V.

Căn cứ vào Hợp đồng, Công ty **L** tiến hành cung cấp dịch vụ và thực hiện công việc theo đúng tiêu chuẩn và yêu cầu của Công ty V. Đối với mỗi lần đặt hàng, hai bên tiến hành lập Biên bản đối chiếu khối lượng và giá trị thực hiện. Công ty **L** đã xuất hóa đơn GTGT với các giá trị tương ứng được ghi nhận.

Hai bên thống nhất thỏa thuận thời hạn thanh toán tổng giá trị khối lượng công việc phát sinh từ hợp đồng trên như sau:

- Căn cứ Điều 2 Hợp đồng kinh tế số 02/01/21/HĐKT/LCG.T4 ngày 02/01/2021 quy định:

"2.3.2 Thời hạn thanh toán: Trước ngày thứ 15 kể từ ngày hai bên chốt khối lượng theo mục 2.3.1 và Bên B đã gửi hóa đơn tài chính cho Bên A. Bên A thanh toán 80% giá trị bê tông và bơm bê tông ghi trên hóa đơn VAT của đợt cấp hàng đó cho bên B, 20% giá trị còn lại được thanh toán khi bê tông đạt cường độ 28 ngày theo TCVN hoặc được gộp với kỳ thanh toán của tháng kế tiếp.

2.3.5 Gía trị phát sinh của các tháng tiếp theo được bên A thanh toán cho bên B tuần tự theo hình thức như trên. Trường hợp hai bên không còn phát sinh mua bán thì toàn bộ công nợ còn lại của bên A nợ bên B sẽ được thanh toán nốt cho bên B nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày chốt khối lượng của đợt thanh toán cuối cùng".

Sau khi tiến hành xuất hóa đơn GTGT và hoàn thiện bộ hồ sơ thanh toán, Công ty **L** đã rất nhiều lần đề nghị đến Công ty V thực hiện theo đúng nghĩa vụ đã cam kết, tuy nhiên Công ty V không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinhh doanh nên nguyên đơn không ký được cái giấy tờ đối chiếu công nợ, nhân viên công ty gọi điện cho giám đốc công ty, giám độc hứa sẽ trả khoản nợ gốc mà hai bên đã mua bán cho nhau nhưng đến nay Công ty vẫn chưa thanh toán cho Công ty **L** toàn bộ số tiền là

187.350.000 VNĐ và hiện nay chúng tôi không liên lạc được với người đại diện thao pháp luật của Công ty nữa.

- Căn cứ Điều 2 Hợp đồng kinh tế số 02/01/21/HĐKT/LCG.T4 ngày 02/01/2021 quy định:

"*2.4 Phạt vi phạm điều khoản thanh toán*

Nếu Bên A không thanh toán đầy đủ cho Bên B theo khoản 2.3 thì bên B sẽ ngừng cung cấp bê tông và các dịch vụ kèm theo mà không phải chịu bất kì trách nhiệm nào và Bên A phải thanh toán tất toán hết công nợ cho Bên B trước khi lấy bê tông của đơn vị khác. Khi đó Bên A sẽ phải trả thêm chi phí lãi suất của việc thanh toán chậm. Lãi suất thanh toán chậm được tính bằng 10%/ năm/tổng số tiền nợ đến hạn thanh toán theo khoản 2.3 mà bên A chưa thanh toán được cho bên B, việc thanh toán này sẽ được tiến hành cho đến khi kết thúc công nợ. Tổng giá trị thanh toán lúc đó bao gồm cả gốc và tiền lãi chậm trả."

Nay, Công ty **L** yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Buộc Công ty V phải thanh toán cho Công ty **L** các khoản tiền sau đây:

- Tổng tiền phát sinh theo Hợp đồng đã ký kết còn phải thanh toán là 187.350.000 đồng

- Lãi suất do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tạm tính từ ngày 28/02/2021 đến ngày 22/03/2024 với mức lãi suất 10 %/năm là 35.416.849 đồng

Tổng số tiền mà Công ty V phải thanh toán cho Công ty **L** là 222.766.849 đồng

**** Bị đơn không đến Toà nên không có lời khai***

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 187.350.000 đồng, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tính lãi suất đối với bị đơn.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tại phiên toà phát biểu quan điểm:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm quyền xét xử: Thời hạn xử lý đơn còn chậm, chưa đảm bảo về thời hạn theo quy định. Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá giữa pháp nhân và pháp nhân, bị đơn có địa chỉ Số 17, nhà E3 – B Echome 1, phường Đông Ngạc, quận **B** , Thành phố **H** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận **B** theo đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Về thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử và lập hồ sơ vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp VKS tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21, Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án thực hiện đúng quy định tại 208, 209, 210, 211 Bộ luật Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về thời hạn chuẩn bị xét xử, lập hồ sơ vụ án dân sự: đúng quy định của BLTTDS.

- Về cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, về chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát:

+ Việc thông báo thụ lý: Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án cho đương sự và VKS đúng quy định tại khoản 1 Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc tống đạt QĐ đưa vụ án ra xét xử: Tòa án tống đạt cho đương sự, VKS đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát: Đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc bị đơn không đến Toà án làm việc là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 187.350.000 đồng.

Đình chỉ phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc từ khi vi phạm cho đến thời điểm xét xử là 10%/năm.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự quận **B** .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư phát triển **V** có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại số 17, E3B Ecohomesoos 17, E3B Ecohome 1 phường Đ, quận **B** , Thành phố **H** . Công ty cổ phần **L** có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá. Do đó, Tòa án nhân dân quận **B** thụ lý giải quyết vụ án là đúng

thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà cho bị đơn nhưng bị đơn không đến Toà án làm việc, vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà không có lý do. Việc bị đơn không đến Toà án làm việc và tham gia phiên toà là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

**** Xét Hợp đồng kinh tế số 02/01/21/HĐKT/LCG.T4 ngày 02/01/2021 về việc mua bán bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm bê tông giữa Công ty L và Công ty V.***

Hai bên thống nhất thỏa thuận thời hạn thanh toán tổng giá trị khối lượng công việc phát sinh từ hợp đồng trên như sau:

- Căn cứ Điều 2 Hợp đồng kinh tế số 02/01/21/HĐKT/LCG.T4 ngày 02/01/2021 quy định:

"*2.3.2 Thời hạn thanh toán: Trước ngày thứ 15 kể từ ngày hai bên chốt khối lượng theo mục 2.3.1 và Bên B đã gửi hóa đơn tài chính cho Bên A. Bên A thanh toán 80% giá trị bê tông và bơm bê tông ghi trên hóa đơn VAT của đợt cấp hàng đó cho bên B, 20% giá trị còn lại được thanh toán khi bê tông đạt cường độ 28 ngày theo TCVN hoặc được gộp với kỳ thanh toán của tháng kế tiếp.*

2.3.5 Gía trị phát sinh của các tháng tiếp theo được bên A thanh toán cho bên B tuần tự theo hình thức như trên. Trường hợp hai bên không còn phát sinh mua bán thì toàn bộ công nợ còn lại của bên A nợ bên B sẽ được thanh toán nốt cho bên B nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày chốt khối lượng của đợt thanh toán cuối cùng".

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã bàn giao khối lượng bê tông theo yêu cầu của bị đơn. Tuy nhiên, sau đó nguyên đơn lập biên bản đối chiếu công nợ thì bị đơn không ký do không còn hoạt động tại trụ sở đăng ký kinh doanh. Nguyên đơn đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng theo quy định nhưng phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ số tiền nợ gốc là có căn cứ để chấp nhận.

Về lãi suất, tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của bị đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất kể từ thời điểm vi phạm cho đến khi Toà án xét xử. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên HĐXX ghi nhận, đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

-Về án phí: Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 11, 24, 50, 55 của Luật Thương mại;

- Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần **L** đối với Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư phát triển **V**. Buộc Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư phát triển **V** phải trả cho Công ty cổ phần **L** số tiền nợ gốc là 187.350.000 đồng.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện buộc Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư phát triển **V** phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm kể từ khi vi phạm 28/02/2021 cho đến thời điểm Toà án xét xử sơ thẩm ngày 30/8/2024 là 62.957.300 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thanh toán kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ này, theo mức lãi suất 10%/ năm (theo Khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí sơ thẩm: Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư phát triển **V** phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là 9.367.500đồng. Hoàn trả cho Công ty cổ phần **L** số tiền tạm ứng án phí 5.569.000đồng mà Công ty cổ phần **L** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0021489 ngày 16/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận **B** , Thành phố **H** .

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *VKSND quận **B** ;*
*-Chi cục THADS quận **B** ;*
-Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Tuyết